

LỄ ĐẠO và TIẾN HÓA

PHẦN I – Chương 1 **

TÌM HIỂU KINH THÁNH

Khác nhau giữa Cựu Ước và Tân Ước

Jésus : Người Thầy và người Tớ

Thần Học Đức Tin và Thần Học Tri Thức Luận

Kinh Thánh Ki-Tô-giáo, cả Cựu Ước và Tân Ước (1) chứa nhiều Dụ ngôn và Ẩn dụ cùng một số lời đôi khi khó hiểu. Nơi đây, người viết chỉ xin tìm hiểu và giải thích một số thôi, nhằm tập trung trình bày « *Lễ Tiến Hóa* ». Những giải thích này, một phần có thể ngược lại với đôi giải thích trước nay của Thần Học Ki-Tô-giáo ; rất mong được các vị Tu sĩ và các nhà trí thức nghiên cứu về Ki-Tô-giáo chỉ giáo cho những sai lầm, những ấu trĩ, lệch lạc nhưng xin qui dều vào « *Lễ Tiến Hóa* » mà Kinh Thánh cùng lời Chúa Jésus đề cập, điều trước nay chưa mấy được đề ý.

Trước nay, nhìn chung, chỉ có hai cách giải thích vũ trụ và nhân sinh :

- Một bên là Tôn giáo quan niệm và xác định có một đấng Tạo Hóa, một đấng Hóa Công được xem là nguyên nhân đầu tiên, sơ khởi đã tạo nên Sự Sống cùng mọi thứ hiện hữu nơi thế gian tức vũ trụ hiện tượng mà chúng ta đã và đang sống. Đấng Tạo Hóa được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau : Brahma (đấng Phạm Thể, Phạm Thiên, đấng Tối linh) theo Bà-La-Môn giáo, Ấn Độ giáo hay Thượng Đế với tên gọi Yahvé, Jéhovah (Do Thái giáo), Đức Chúa Trời (Ki-Tô giáo), Allah (Hồi giáo) hoặc Chân Không, Thể Tính Chân Như hay Bản Lai Vô Ngã (Phật giáo) (xin chú ý : Phật giáo được đa số xem là một nền siêu hình học cùng một nền đức lý, gọi chung là một nền Minh triết (sagesse) chứ không thiên về mặt Đức Tin như các tôn giáo độc thần khác). Quan điểm tôn giáo, nhìn chung, có tính cách khẳng định, xác quyết về một đấng Thượng Đế vô hình, hằng hữu, được xem là nguyên

nhân tiên khởi sáng tạo và chủ trì mọi biến dịch của vạn hữu nơi cõi thế gian. Do đó, lịch sử tại thế chỉ là trường diễn xuất thánh ý của Thượng Đế.

* Một bên là Khoa học giải thích vũ trụ và nhân sinh theo những qui luật do tương tác của vạn pháp ; con người cũng chỉ là một phần tử trong vũ trụ hiện tượng cũng như mọi vật thể, hiện thể khác nên Sự Sống, Cuộc Sống của con người, của loài người cũng tuân theo những qui luật đó. Ngược lại với các Tôn giáo, Khoa học có tính cách giả định, giả thuyết, tương đối, không cưỡng ép tri thức con người phải tuyệt đối chấp nhận. Lịch sử tại thế của nhân sinh cũng như của bất cứ gì, theo Khoa học, là trường diễn biến không ngừng do từ những mối tương tác, tương phản, tương dung giữa các dạng tồn tại nghĩa là giữa vạn pháp theo những qui luật được Khoa học khám phá, chứng minh.

Bên nào cũng giữ quan điểm của mình, không chịu nhìn nhận mà còn phủ nhận nhau mặc dù đến nay tôn giáo có công nhận phần nào cái lý của Khoa học cũng như nhìn nhận một số sai lầm của mình và Khoa học cũng không hẳn chối từ, phi bác quan điểm về đấng Thượng Đế, chỉ xem đấy không là địa hạt nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, mỗi mâu thuẫn, không thể đồng thuận với nhau giữa hai bên vẫn còn dang dai. Đến nay, vấn đề Thượng Đế đã được giải thích qua nhiều luận giảng chứng minh sự hiện hữu của Ngài nhằm đáp ứng mọi thắc mắc siêu hình về ý nghĩa, cứu cánh của Sự Sống trong lúc Khoa học càng lúc càng thêm những bước tiến thần tốc, càng ngày càng thêm lý cứ phủ nhận quan niệm Thượng Đế của tôn giáo, tuy nhiên những thành tựu của Khoa học dù đem lại cho con người nhiều kiến thức mới mẻ cùng lúc tạo nên bao tiện nghi cho cuộc sống nhưng cũng gây bao nhiêu điên đảo cho cuộc sống, cuộc đời khiến con người vẫn chưa thể buông bỏ niềm tin vào một đấng Hóa công đã làm phát sinh và an bài cõi thế gian.

Vấn đề 'Tôn giáo và Khoa học' được đề cập đến trong những Chương sau. Chương này phần nào góp ý sơ khởi cho vấn đề này.

Các Kinh Thánh được dùng trong tập này gồm :

1) Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, tiếng Việt, Thánh Kinh của Hội Mỹ Quốc, Nữ Ước,

2) La Bible , traduit des Textes originaux hébreu et grec par Louis Segond, Nouvelle Édition de Genève 1979, bản tiếng Pháp,

3) Les Saintes Ecritures, traduction du monde nouveau, bản tiếng Pháp, New World Bible Translation Committee, New York 01/06/1984,

4) La Bible des peuples, bản tiếng Pháp do Bernard Hurault và Louis Hurault, dịch từ các nguyên bản tiếng Do Thái và Hy Lạp, nhà sách Arthème Fayard, 1998. (2)

5) Le Nouveau Testament, Société biblique française, 2003,

6) Kinh Thánh (Tân Ước) tiếng Việt và tiếng Anh, bản nhuận chánh, Hội Ghi-Đê-Ôn quốc tế (published by The British & Foreign Society for the Gideons International, 1975.

Nêu ra nhiều như trên nhưng trong tập này, người viết chỉ trích dẫn nơi một số quyển thôi.

Qua các bản Kinh Thánh được dịch sang Pháp ngữ, Anh ngữ, Việt ngữ, có đôi đoạn khác nhau về từ ngữ cùng một số luận giải có khác nhau giữa các dịch giả và biên khảo, nhưng người viết không chú trọng nhiều về các điều đó. Người viết chỉ viết bằng cảm nhận ngay chính lời Chúa Jésus nhiều hơn.

Dĩ nhiên, phải cần đọc nhiều Kinh Thánh tiếng Araméen, Hy Lạp, Do Thái, La Tinh...nhưng người viết không có những bản Kinh Thánh đó cũng như không có khả năng ngoại ngữ, cổ ngữ để đọc.

I.- Một số điểm khác nhau giữa Cựu Ước và Tân Ước :

Về 'Cựu Ước', chúng tôi chỉ chú ý một số ẩn dụ, nhất là nơi sách 'Sáng Thế' do Moïse viết. Về 'Tân Ước', người viết cơ sở nơi các Phúc Âm qua bốn Tin Lành của Mathieu, Marc, Lucas và Jean, đã được các Giáo Hội Công giáo và Tin Lành giáo trước nay công nhận là chính thức. Trong bốn bản Phúc Âm đó, có những sự việc được nhắc lại đầy đủ (như những phép lạ của Chúa Jésus), nhưng cũng nhiều sự việc có nơi Tin

Lành này mà không có nơi Tin Lành kia (như 'Ba Lễ vật : Vàng, Nhũ hương, Mộc dục ' chỉ có nơi Tin Lành Mathieu). Chúng tôi chú ý đến lời Jésus nhiều hơn.

Giữa Cựu Ước (các sách của Môi-Se viết) và Tân Ước, chúng tôi nhận ra một số khác biệt như sau :

-Nếu Môi-Se là nhà *Cách mạng về mặt Chính trị của dân tộc Do Thái* và Thượng Đế nơi Cựu Ước chỉ riêng cho người Do Thái, thì, theo người viết, Jésus là nhà *Cách mạng về mặt tư tưởng* và Thượng Đế nơi các bản Tân Ước, qua lời Jésus, là Thượng Đế chung cho vạn hữu, chung cho cả loài người.

-Nếu *Môi-Se chú trọng giải cứu dân Do Thái* thoát khỏi những trầm luân, khổ nạn, tiến đến đoàn kết dân Do Thái hầu xây dựng một nước Do Thái vững mạnh nếu biết tuân theo 'luật pháp' của Đức Chúa Trời thì *Jésus nhận ra thực chất của cuộc sống thế gian để hướng dẫn nhân sinh tự giải thoát mình* khỏi đau khổ, tội lỗi theo chương trình của Thượng Đế vạch ra cho loài người.

-Nếu *Thượng Đế nơi Cựu Ước là Thượng Đế của 'luật pháp'* chuyên chế, độc đoán, luôn luôn can thiệp vào hành động của con người bằng quyền uy, mệnh lệnh thì *Thượng Đế nơi các bản Tân Ước là Thượng Đế của Ân điển, Lễ Thật, của Tình thương, của Bác ái và Công bình..*

- *Môi Se chú trọng vào lịch sử dân tộc Do Thái* thì *Jésus lại chú trọng đến diễn tiến tiến hóa của nhân sinh*. Diễn tiến Tiến hóa đó là chương trình Thượng Đế đã vạch ra cho loài người và được sự hướng dẫn của Thượng Đế qua vận hành của Ngài từ khởi thủy đến hồi chung cục trong suốt diễn trình Tiến hóa của cõi hiện tượng. Diễn tiến Tiến hóa đó của vạn hữu, rõ ràng nhất nơi loài người, đã được Jésus đề cập u mật qua các bản Phúc Âm mà trước nay, các nhà Thần học Ki-Tô giáo hầu như không đề cập. Diễn tiến Tiến hóa đó là Chương trình của Thượng Đế mà chính đức Thích Ca đã nói đến trong đạo pháp của Ngài.

- *Trong Cựu Ước, Thượng Đế được gọi bằng danh xưng Jéhovah* thì trong các Tân Ước, *Jésus gọi là Đức Chúa Trời hoặc Cha ta ở trên trời* và tự xem mình chỉ là đứa con truyền rao ý của Cha cho thế gian. Gọi Thượng Đế hay Đức Chúa Trời là 'Cha ta', không có nghĩa Jésus 'hữu

ngã hóa' hay 'nhân ảnh hóa' Thượng Đế mà chỉ dùng một hình ảnh thân mật cho con người dễ tin thôi (3)

- Trong Cựu Ước, Do Thái được gọi là 'Dân tộc được chọn' và xứ Do Thái được gọi là 'Miền Đất Hứa' thì trong Tân Ước, qua bốn bản Phúc Âm, Jésus không lần nào gọi như thế. Có thể, theo người viết, vì điều này nên Do Thái giáo lúc bấy giờ không nhận Jésus là đấng Messie và đã tìm cách hại Chúa Jésus chẳng ?

Jésus không hoàn toàn đi ngược lại quan điểm nơi Cựu Ước tức truyền thống tín ngưỡng của người Do Thái nhưng mở rộng hơn và cải sửa khá nhiều những khe nứt cùng tính cách nghiêm nhặt, độc đoán của Thượng Đế nơi Cựu Ước để dành Tự Do cho con người và không quan niệm Thượng Đế là của riêng dân tộc Do Thái mà chung cho cả loài người. Cũng do đó, theo chúng tôi, Thượng Đế, qua lời Jésus, không hoàn toàn do Đức Tin thuần túy mà còn là vị Thượng Đế của Tình và Lý dù phần Lý tức phần tri thức luận không được nêu ra rõ ràng. Chúng tôi hiểu Thượng Đế trên cả hai phương diện đó nên phát hiện Lẽ Đạo và dòng Tiến hóa của nhân sinh và vạn hữu phần nào qua Cựu Ước (phần đầu sách Sáng Thế của Moïse) và nhất là lời Chúa Jésus qua Tân Ước.

II.- Chúa Jésus – Con người và cuộc sống – Người Thầy và người Tớ.

a) Jésus : con người của quần chúng, của các dân tộc khốn khổ, đau thương.

Qua bốn bản Phúc Âm, ta thấy Jésus thuộc hàng dân giả, con nhà lao động bần hàn, sinh ra và lớn lên trong lạnh lẽo, khốn khó, vừa lọt lòng đã phải tỵ nạn, đến 'tam thập nhi lập' mới bắt đầu rao giảng Lẽ Đạo để phải nhận bao thảm họa. Biết môn đồ phản mình vẫn không tránh né, ngăn cản môn đồ chống lại kẻ đến bắt mình, biết sẽ phải chết vẫn nhận chịu,... Với tất cả khổ đau, nhục nhã đã phải trải chịu, Jésus gần gũi với quần chúng bình dân khổ cực, với những dân tộc mà lịch sử đã phải trải chịu bao trầm luân, đổ nát vì bao tội lỗi của người đời, của những thế lực hung tàn bạo ngược đè nén, áp bức, bóc lột cướp đi sự sống của con người. Qua bốn bản Phúc Âm, ta thấy Jésus đề cập đến hầu hết mọi sắc thái của xã hội nhân sinh : cưới hỏi,

ly dị, gian dâm, bệnh tật, thê thốt, xử án, giàu nghèo, hiếu kính với cha mẹ, hòa thuận với anh em, yêu thương bạn bè, yêu thương người lân cận, tha thứ, khoan dung, cả yêu thương kẻ thù, không xét đoán ai, cứ xử theo tình thương, theo lẽ công bằng. Bài giảng trên núi với *'tám mối phúc'* hoàn toàn là lời ngỏ với tầng lớp bình dân khốn khó để đem lại cho họ niềm tin, hy vọng cùng ý nghĩa của đau khổ và phần thưởng về những khổ đau mà họ đã gánh chịu. Jêsus là kẻ dấn thân vào đời không để tạo lập vinh quang, danh giá gì cho mình mà chỉ vì tình thương, vì nhân ái, vì sứ mạng rao giảng ân điển của Cha trên trời. Jêsus quả là kẻ 'tuần nạn' cho lý tưởng mình, tuần nạn cho mọi khổ đau nhân thế để phải chịu nhận cái chết đau thương. Jêsus là người của nhân loại đến với nhân loại rao giảng Tin Lành sẽ đến với mọi người trên khắp thế giới, khuyên mọi người nên biết giấu của cải ở trên trời, biết giới hạn tư hữu (hàng ngày đủ dùng), loại bỏ chiếm hữu, biết 'ăn năn tội' để có thể đón được Tin Mừng. Với Jêsus, Cha trên trời là đáng trọng vẹn, chí nhân, công bình *'làm mưa cho người lành lẫn kẻ ác, cho kẻ nghèo cũng như cho người giàu'* không phân biệt một ai. Dĩ nhiên, lớp người nôn nóng đón đợi cơn mưa đó là lớp người dân đã đang rẫy rụa trong cơn khát do từ tội lỗi của bao lớp người giả hình, mị dân đã đày đọa họ vào cơn khát tự do, công bình, bác ái.

b) Vai trò của Jêsus : Jêsus là 'ngôn sứ' của Ngôi Lời, vừa là Thầy vừa là Tổ của thế gian. Theo thần học Ki-Tô giáo, Jêsus là một trong Ba Ngôi Thiên Chúa, Jêsus là một *'nhất thể lưỡng tính'*, mang nơi mình cả tính cách *'thần tính'* (divin) và *'nhân tính'* (humain). Tính cách 'thần tính' do Thượng Đế đã nhập thể vào Mẹ Maria để sinh ra ; tính cách nhân tính do một người mẹ bình thường sinh ra như tất cả mọi người khác và sống cũng như mọi người khác chứ không được một cuộc sống đặc biệt, lạ thường nào. Với tính cách thần tính, Jêsus hầu như là kẻ *'sinh nhi tri chi'* đã cảm nhận ra Lẽ Đạo không qua một học hỏi nào (mới 12 tuổi đã tranh luận hùng hồn với bao thầy Thông giáo suốt ba ngày liền khiến các nhà trí thức này vô cùng khâm phục. Và khi cha mẹ đi tìm, đã bảo : 'Cha mẹ kiếm tôi làm chi ? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao ?' (Luca 2-49). Với tính cách nhân tính, Jêsus sinh hoạt như con người bình thường, chịu mọi khổ đau của thế gian, biết rửa chân cho môn đồ để môn đồ rửa chân cho nhau và cho kẻ

khác. Cũng với tính cách nhân tính, Jésus cũng giống như bao nhiêu người khác, đã từng than *'linh hồn ta buồn bực cho đến chết'* (Mat 26-38), *'tâm thần thì muốn lắm mà xác thịt yếu đuối'* (ma 26-41), khi bị đóng đinh đã kêu lên *'Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi !?'* (Mat :27-46).

c) Với cả hai tính cách 'thần tính' và 'nhân tính', Jésus đã sống nơi mình cả hai cảnh giới : cảnh giới 'Cha ta ở trên trời' : 'Các người thuộc về thế gian này ; còn ta không thuộc về thế gian này' (Jean : 8-23) và cảnh giới thế gian : 'Con người đã đến không phải để người ta phục vụ mình, song để mình hầu việc người ta và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người' (Ma : 20-28). Đoạn *'Ta không thuộc thế gian này'* nên hiểu là Jésus đã cảm nhận và hình dung cảnh sống khác với cảnh sống của mọi người nơi thế gian lâu nay (phần nào cũng như Đức Phật không trụ nơi danh nghĩa Thích Ca mà nhân danh Tính Thể như Lai để thuyết pháp, vạch cho thính chúng hình dung ra cảnh giới Như Lai, cảnh giới Bờ Bên kia, cảnh giới 'phi hiện tượng'). 'Sống cả hai cảnh giới đó, Jésus vừa là người *'Thầy'* rao giảng thánh ý của Cha và răn khuyên người đời biết cách sống hầu được đón nhận Tin Mừng, vừa là *'Tố'* của mọi người thế gian, chịu đựng hết mọi khinh bực, cùng gánh hết mọi tội lỗi thế gian. Vì thế, Jésus đã đi vào đời, sống với đời, nhận diện rõ hết mọi sắc thái của đời để vừa nói lên hết mọi sai trái của đời vừa báo biểu Tin Mừng sẽ đến với đời. Tin Mừng đó là 'nước Đức Chúa Trời sắp đến'. Jésus không miêu tả 'nước Đức Chúa Trời' hay cảnh giới Thiên Đàng ra sao, chỉ cho biết là nơi nước Thiên Đàng, con người và loài người được hưởng sự sống đời đời. (Hồi Giáo không công nhận tính cách 'thần tính' của Jésus, xem Jésus chỉ là một tiên tri thôi. Ngay vị tư tế Arius ở Alexandrie năm 318, cũng không công nhận tính cách 'thần tính' của Jésus, cho rằng Jésus không cùng 'bản chất' với Thượng Đế, không là Đấng Cứu Thế. Cộng Đồng Nicée năm 325 do Hoàng Đế Constantin triệu tập đã lên án Arius cùng chủ trương của ông (arianisme) là tà thuyết (hérésie) – xem Georges Masquet : 'Dictionnaire des Grands Événements Historiques', collection Marabout service, Librairie Hachette, 1973, trang 193).

Jésus đã đến với thế gian trong cả hai tính cách và vai trò đó : vừa thần tính vừa nhân tính, vừa là thầy vừa là tố, vừa là kẻ chặn dắt vừa

là kẻ phục vụ thế gian. Do đó, Jésus vừa là ‘ngôn sứ’ của Ngôi Lời, là ‘thừa sai’ của Thượng Đế, vừa là ‘trung gian’ giữa Trời và người. (xin xem thêm nơi Chương : ‘Ba Ngôi Thiên Chúa’). Rất tiếc, hầu như mọi chức sắc Ki-Tô giáo dù cao cấp hay tin đồ, nhất là Thiên Chúa giáo, chỉ chú ý đến tính cách ‘thần tính’ chứ không để ý đến tính cách ‘nhân tính’ nơi Jésus, do đó chỉ làm ‘Thầy’ mà không mấy ai chịu làm ‘Tớ’ để phục vụ quần chúng nhân dân. d) Jésus là nhà Tư tưởng lớn.

Tạm gạt qua bên quan điểm Thần học Ki-Tô giáo quan niệm Jésus là ‘Đấng Cứu Thế’, về mặt Triết lý, nhất thống được giáo lý của Ngài, theo cảm nhận, người viết nghĩ rằng ‘*Jésus là nhà tư tưởng, chủ trương cuộc ‘Cách Mạng Tính Thế’ (révolution ontologique), có nghĩa đưa ‘Thế giới hiện tượng’ (monde sensible, monde phénoménal) vào ‘Thế giới Tính thể’ (monde des essences), tức từ Tục đế vào Chân đế, từ cõi Thế gian vào cảnh Nước Đức Chúa Trời.* Điều này, giáo lý của Đức Thích Ca cũng đề cập một cách u mật trước Jésus. (4). Tư tưởng thường được hiểu là hành động của ý thức, của tri thức (connaissance, savoir) để suy tư, lý luận, biện giải theo cái thường được gọi là ‘lý trí luận lý’ (raison raisonnante) về một vấn đề nào đó rồi hệ thống hóa thành lý thuyết, chủ nghĩa, ý thức hệ hầu giải thích, giải đáp vấn đề đó một cách rõ ràng, hợp lý (rationnel, logique) như tư tưởng triết lý, khoa học, kinh tế, chính trị,.. Từ đó, ta thường gọi tư tưởng Platon, Aristote, Hégel, K.Marx, A.Einstein, ..có nghĩa là hệ thống tư duy của các vị đó. Điều này, theo Đạo học và theo M. Heidegger chưa là Tư tưởng đúng nghĩa. *Tư tưởng không do con người, không là sản phẩm của con người ; con người chỉ có khả năng tư tưởng thôi. Khả năng đó là suy tư, tư duy.* Khi dùng từ ‘tư tưởng’, ta nên để ý sự khác nhau này. Cả đức Thích Ca và chúa Jésus cũng không ‘sáng tạo’ ra tư tưởng mà chỉ ‘cảm nhận’ ra tư tưởng thôi. Những điều ‘*Chân không, Chân như, Bản lai vô ngã, Niết bàn, Bờ bên kia,..*’ không là những gì do Đức Thích Ca hư cấu, tưởng tượng hay ‘sáng tạo’ mà đã có sẵn rồi, đức Thích Ca chỉ cảm nhận ra sau 49 ngày thiền định nơi cõi Bồ Đề sau khi đã lìa bỏ được cả Vật chướng và Lý chướng, những thứ đó đột nhiên trực khởi nơi Ngài (kinh điển Phật giáo gọi là Ngài đã ‘ngộ’ nghĩa là bắt gặp được). Cũng thế, những thứ Đức Chúa Trời, Đức Tin, Tin Mừng, nước Thiên Đàng, giờ phán xét cuối

cùng,...không là những thứ Chúa Jésus ‘ngẫu hứng’ mà là những gì đã có, sẽ đến với nhân sinh sau dọc dài trầm luân nơi cõi thế. Hiểu như thế, theo người viết, *Tư Tưởng chính là Lễ Đạo, một Chân lý cao sâu, huyền nhiệm đã làm phát sinh Sự Sống cùng vạn hữu, điều hướng vạn hữu theo vận hành của chân lý đó từ khởi nguyên đến hồi chung cục (đầu và rốt) nơi thế gian, hướng về một cứu cánh chung cục, do đó mới có biến hóa, tiến hóa của vạn hữu.* Để có thể bắt gặp được Tư tưởng, suy tư, tư duy của con người, theo M.Heidegger là ‘*tự giới hạn trong một ý tưởng duy nhất mà ngày kia sẽ tồn tại như một vì sao trên vòm trời vũ trụ*’ (‘Penser, cc’est se limiter à une unique idée, qui un jour demeurera comme une étoile au ciel du monde’ – M.Heidegger : ‘Aus Der Erfahrung Des Denkens’ – bản dịch Pháp ngữ ‘l’Expérience de la Pensée’ của André Préau, xem ‘Questions III, Gall. Paris 1989, trang 21). Điều này dễ thấy nhất nơi Đức Thích Ca : Ngài đã suốt bao nhiêu năm nghiền ngẫm suy tư về một điều duy nhất là ‘*căn cơ của đau khổ*’ và ngài đã ‘ngộ’, đã phát hiện ra Lễ Đạo, cái ‘*Đạo giải thoát*’ (religion de délivrance) đã giải tỏa cái thắc mắc suốt bao năm dài suy tư của Ngài. Khác với Đức Phật, Jésus đã cảm nhận ra Lễ Đạo đó ngay từ thưở thiếu thời và đưa ra những nhận thức mới về Tư tưởng có khác với trước nay. Jésus đã thực hiện cái Tư Tưởng đó không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, bằng chính cuộc sống của mình ; cái Tư Tưởng đó đã kết thành cái ‘*Đạo Cứu Rỗi*’ (religion de Salut) mà người sau đã tôn thờ, rao giảng. Đức Thích Ca và Chúa Jésus, theo người viết, là hai ‘*nhà Cách Mạng về mặt tư tưởng*’ ; cuộc ‘*Cách mạng tính thể*’ (révolution ontologique) đưa Hữu vào Không, đưa Tục đế vào Chân đế, đưa cõi Thế gian vào nước Thiên Đàng. Một điều người viết xin thêm dù đang còn là nghi vấn: « *Suốt 17 năm vắng bóng tại Do Thái (từ 12 tuổi đến gần 30 tuổi), Jésus đã ‘chu du’ qua nhiều nước, đã rao giảng đạo, đã dừng lại khá lâu nơi Kabul (Afghanistan), Bénarès, Juggernaut, Rajagriha, Kapilavastu (Ấn Độ) rồi qua Lhasa, Ladhakh (Tây Tạng)* ». Trong cuộc hành trình đó, ngoài việc rao giảng Đạo mình, người viết nghĩ, có thể Jésus đã tiếp xúc và ảnh hưởng Đạo giáo phương Đông, nhất là Phật giáo nên đã kết hợp tư tưởng cả Đông và Tây. Jésus, theo người viết, hẳn đã cải sửa một số điều đã được tiếp thu nơi phương Đông để tư tưởng đã được cảm

nhận bao trùm cả hai mặt Đức tin và tồn tại. Lối lập ngôn của Jésus, qua các bản Tân Ước phần nào cũng ‘ẩn mật’ như cách lập ngôn của Đức Phật và đối chiếu giáo lý hai Ngài, chúng ta thấy một số lời giống nhau (5). Do đó, người viết nhận thấy rằng Lễ Đạo, theo Jésus, kết hợp cả phần Tín ngưỡng Tâm Linh (Đức Tin tôn giáo) cùng phần ‘Tri thức luận’ (épistémologie) nên mọi giảng giải Lễ Đạo của Ngài vừa tâm linh vừa thực tiễn.

Nơi đây, chúng tôi không mấy để ý đến những sự kiện lịch sử, địa chất học, khảo cổ học, nhân chủng học, ngôn ngữ học. Cũng không mấy để ý đến những huyền thoại như Mẹ Maria đồng trinh, Jésus làm nhiều phép lạ, ...*Điều cốt yếu chúng tôi đi tìm là những ‘ẩn ngữ’ qua các ẩn dụ và dụ ngôn cùng những ‘thông điệp’ nơi lời Jésus mang ý nghĩa gì đối với nhân sinh qua những lời đơn giản nhưng kỳ bí, ngược ngạo, nhiều khi mâu thuẫn nhau.* Những phát hiện, khám phá của các ngành Sử học, Địa chất, khảo cổ,... cần thiết để soi sáng thêm một số sự kiện ngày trước, nhưng, theo chúng tôi không mấy ảnh hưởng đến ý nghĩa của lời Jésus. Mẹ Maria đồng trinh hay không, Chúa Jésus có anh, chị em hay không, chúa Jésus có vợ con hay không,..., những sự việc này nếu giúp cho các nhà văn, nhà báo, nhà phim ảnh xây dựng nên những tác phẩm, những công trình nào đó hấp dẫn, thì, với chúng tôi, không vì thế mà làm sai lệch ý nghĩa cùng thông điệp mà Jésus muốn trao đến cho con người và loài người. Cũng như, với người Việt Nam, Rồng và Tiên không có thực nhưng câu chuyện Rồng Tiên là có thực vì đã được kể, được truyền tụng trước nay. Vấn đề chính là tìm hiểu cái ý nghĩa, cái ‘thông điệp’ mà câu truyện dựa vào những sự kiện không có thực muốn trao gởi cho dân tộc Việt Nam. Cũng thế, khi viết về Phật giáo (nơi phần II), chúng tôi không để ý đến sự việc đức Thích Ca có ‘80 vẻ đẹp và 32 tướng tốt’ cùng sự việc Ngài sinh ra nơi hông Hoàng hậu Maya, vừa sinh ra đã đi trên bảy tòa sen, tay chỉ Trời, tay chỉ Đất và bảo : *‘Thiên thượng, Thiên hạ, duy ngã độc tôn’*. (sự việc này, xin xem Phần 2, Chương ‘Thắc mắc và giải đáp Thắc mắc’ về Kinh điển Phật Giáo). Điều chúng tôi chú ý là ‘giáo lý’ của Đức Phật.

III.- Thần Học Đức Tin và Thần Học Tri Thức Luận :

Gần đây, khi viết sách này, lúc đọc đôi tác phẩm của một số nhà khoa học như Albert Jacquard (6) Deepak Chopra (7) chúng tôi vui mừng được thấy ý kiến trên của chúng tôi phần nào trùng hợp với ý kiến các nhà khoa học này. Chẳng hạn, A. Jacquard bảo rằng : *'Nhân vật Moise, sự việc ông leo lên đồi Sinai, việc ông gặp Thượng Đế có thực hay không có thực, điều quan trọng là nội dung '10 điều răn'. « Người chớ giết người », đây là điều cần ghi nhớ ; mọi động biến khác chung quanh sự nhận qui điều đức lý đó như đoạn nói về bụi gai bốc cháy mà không tắt, chỉ là những chi tiết của dàn cảnh sân khấu »* (8) .

Một điều xin thưa ngay : *'Người viết chúng tôi tin có một uyên nguyên -thường được gọi là Thượng Đế hoặc một danh xưng nào khác theo các Tôn giáo khác hay theo Khoa học- 'sáng tạo' nên mọi thứ hiện hữu. Nhưng Đức Tin của chúng tôi không là Đức Tin hoàn toàn tôn giáo, không chỉ là Đức tin được mặc khải mà còn là Đức Tin mang chở ít nhiều trí tuệ'*. Do đó, tìm hiểu Thượng Đế, tìm hiểu Kinh Thánh , chúng tôi phát hiện ra Lễ Đạo và dòng tiến hóa của vạn hữu và nhân sinh, điều mà Đức Tin Tôn giáo lâu nay không đề cập.

Rất có thể, chúng tôi sẽ gặp rất nhiều phản bác của giới Thần học cùng giới trí thức đã nghiên cứu về các Tôn giáo. Chúng tôi cung kính và sẵn sàng đón nhận những phản bác đó. Nhưng xin quý vị chịu khó đọc hết tác phẩm rồi hãy phản biện.

Chúng tôi quan niệm một *'Thượng Đế vào đời'*, chủ trì cuộc diễn biến sinh hóa của nhân sinh và vạn hữu theo quyền năng, thánh ý của Ngài chứ không phải một Thượng Đế để chi chiêm ngưỡng, tuân phục theo một Đức Tin có tính cách 'ơn riêng' của Ngài và mong được Ngài cứu rỗi không biết vào lúc nào, trong lúc cõi nhân sinh mãi miết chìm đắm trong nhầy nhựa, khổ đau. Vũ trụ hiện tượng đã có từ hàng hàng tỷ năm rồi và loài người -sáng tạo sau cùng của Thượng Đế- đã hiện tiền trong vũ trụ hiện tượng đó cả triệu năm rồi. Vũ trụ hiện tượng luôn biến đổi vô thường ; cuộc sống mỗi người và cuộc đời chung

nhân loại mãi miết khổ đau trong cõi vô thường đó cùng gây khổ đau cho nhau. Chỉ với Đức Tin thuần Tôn giáo, chúng ta và cả loài người sẽ 'thụ động' trước mọi biến thiên của vũ trụ và của cuộc đời và cũng không giải thích được diễn tiến nhân sinh. Cứ xem một lời răn của Thượng Đế trong 'Thập giới' (le décalogue) : '*Người chớ giết người*' (Tu ne tueras point- Xuất Ê-Díp-Tô : 20-13), thế mà qua lịch sử , tín đồ Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo và Hồi giáo chẳng đã giết người và giết hại lẫn nhau sao ? Và đến nay cũng đã 'phải giết' người khác, giết lẫn nhau vì để bảo vệ Tổ quốc, Tôn giáo mình hoặc vì lý do nầy nọ (9). Tại sao lớp người có Đức Tin vào Ngài lại mãi miết không tuân theo lời Ngài ? Thế đến bao giờ Thượng Đế 'cứu rỗi' sự việc nầy. và bằng cách nào ?

Một điều nghĩ ra cũng nên lưu ý. Hầu như mọi Đạo giáo như Khổng, Lão (ở Trung Hoa), cả khoa Chiêm Tinh học của Zarathoustra ở Iran và các tôn giáo lớn : Ấn Độ giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Ki-Tô giáo, Hồi giáo trên hơn ba nghìn năm đến nay, đều phát xuất từ Châu Á trước khi lan tràn sang Châu Âu, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi. Tại sao riêng châu Á mới là chiếc nôi của Đạo giáo, Tôn giáo ? Có phải vì châu Á là lục địa mệnh mệnh nhất, vùng thâm sâu, u mật, huyền bí nên dễ 'kết tinh' các ý niệm siêu hình ? Mục đích của Tôn giáo là 'cứu đời', là độ sinh linh thoát vòng đau khổ, thế sao châu Á mãi mãi đói nghèo, ly loạn, cho mãi đến cuối thế kỷ XIX, một số quốc gia, dân tộc mới bắt đầu vươn lên, thoát cảnh bần hàn lúc tiếp xúc với văn minh phương Tây chứ không hẳn do nơi các Đạo giáo của mình? Điều nầy có ý nghĩa gì chẳng ? (10).

Một điều khác nữa Bà-La-Môn giáo (hay Ấn Độ giáo), đến nay đã trên 3500 năm, Do Thái Giáo từ Moise đến nay đã trên 3.300 năm, Phật giáo với Đức Thích Ca đã trên 2500 năm, Ki-Tô-giáo với Jésus đã 2000 năm, Hồi Giáo với Tiên tri Mohamet đã trên 1500 năm, số tín đồ mỗi Tôn giáo trên cả tỷ người (ngoại trừ Do Thái giáo ít hơn), thế mà chính ngay tại nơi các Ngài đản sinh, quốc gia và dân tộc các nơi đó vẫn lầm than, cơ cực, loạn ly và cuộc cờ thế giới vẫn và càng ngày càng nhầy nhụa, điều linh nào có được giải thoát, cứu rỗi cho đâu ! Như

vậy, phải chăng giáo lý của quý Ngài chẳng ích lợi gì cho cuộc sống thế gian ?

Thêm một điều nữa, người viết thấy cần nêu ra. Qua Cựu Ước, dân Do Thái là *'dân được Thượng Đế chọn'* (peuple élu) và đất Do Thái –rõ hơn là vùng Canaan- được gọi là *'miền Đất Hứa'* (terre promise). (xem Sáng Thế Ký : 12-1, 2 và 15 : 18, 19,20, ; 17-8). Có phải đấy chỉ là dụng ý của Moise để đoàn kết dân Do Thái vừa để thoát khỏi mọi khổ nạn, đồng thời tiến đến xây dựng một quốc gia Do Thái vững mạnh, hùng cường ? Nhưng chính Moise, người đã được Thượng Đế chọn để dắt dẫn dân Do Thái, đã chết, không về đến vùng đất hứa đó và suốt dọc dài lịch sử, dân Do Thái phải trầm luân, xa rời vùng đất được Thượng Đế chọn.

Và sau này, 13 thế kỷ sau ngày Moise qua đời, Jésus, vị Giáo chủ Ki-Tô giáo, cũng là người Do Thái, lại bảo : *"Ta cũng nói cùng các ngươi, có nhiều người từ đông phương, tây phương sẽ đến, ngồi đồng bàn với Áp-Ra-Ham, Y-Sac và Gia-Cốp trong nước thiên đàng. Nhưng các con bốn quốc sẽ bị liệng ra chốn tối tăm ở ngoài, tại đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng"* (Ma : 8-11, 12). Lời Jésus vừa trích, nên hiểu thế nào ? *'Nhiều người từ phương Đông, phương Tây'* ám chỉ những ai ? Có phải những dân tộc cạnh Do Thái hay những dân tộc ở những xứ xa xôi nào khác ? Tại sao, *'các con bốn quốc'* tức dân Do Thái, dân tộc được *'Thượng Đế chọn'* lại không vào được nước Thiên đàng mà lại *'bị liệng ra chốn tối tăm ở ngoài, tại đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng'* ? Phải chăng do vì dân Do Thái đã không tuân phục luật pháp của Thượng Đế nên phải chịu đựng cảnh này ? Lời Chúa Jésus phải chăng tiên tri về cảnh dân Do Thái bị đế quốc La Mã tàn sát rồi lâm cảnh tản mạn (diaspora) khắp nơi trên thế giới ? Sau gần 2000 năm tản lạc (kể từ năm 135 sau Công Nguyên), năm 1948 được Liên Hiệp Quốc cho trở về thành lập Quốc gia và trưởng thành lớn mạnh dù dân ít, đất nghèo giữa *'biển người'* của khối Ả Rập ; nhưng cả Palestine, cả khối Ả Rập không nhìn nhận dù thế giới, đặc biệt Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc cố dàn xếp sự nhìn nhận quốc gia Do Thái đồng thời với việc thành lập quốc gia Palestine. Sự việc chưa ngã ngũ ra sao, trong lúc đó, Iran, xứ Hồi giáo đang phát triển, trở thành mối nguy cho thế giới, lại

'cương quyết' đòi xóa sổ dân tộc cùng quốc gia Do Thái trên bản đồ thế giới.

Lời Moise trong Sáng Thế Ký, cùng lời trích trên của Chúa Jésus, phải chẳng chỉ nói riêng về Do Thái hay là một linh cảm, một lời 'tiên tri' nào đó mượn dân tộc Do Thái để nói đến một sự kiện nào xa xôi sẽ xảy đến cho toàn thể loài người ?. Moise là nhà Cách Mạng của dân Do Thái muốn cứu vớt dân tộc ông thoát mọi trầm luân và tạo lập một quốc gia Do Thái hùng cường nên 'dựng' nên hai sự việc '*dân được chọn*' và '*miền đất hứa*' trên chẳng ? Jésus, qua các bản Phúc Âm không nhắc đến hai sự việc này mà còn luôn luôn vạch ra thói giả hình nơi đức tin của người Do Thái dưới sự 'lãnh đạo' của các Thầy Tế lễ và các Thầy Thông giáo Do Thái giáo. Lời Chúa Jésus được trích trên cùng lời nói có vẻ bí hiểm '*Đến ngày phán xét, nữ hoàng nam phương sẽ đứng dậy với dòng dõi này mà lên án nó...*' (Ma : 12-42) liệu chỉ nói riêng về dân tộc Do Thái hay cho chung cả loài người ? Những điều này, hầu như Thần học Do Thái và Ki-Tô giáo chưa hề nêu ra.

Vậy, chỉ với Đức Tin tôn giáo -hiểu như lâu nay- liệu có 'cứu rỗi' được nhân loại này chẳng. ? Những diễn giảng của chúng tôi về Lễ Đạo và diễn tiến tiến hóa của nhân sinh và vạn hữu, qua tác phẩm này, chúng tôi nghĩ có thể giúp kết hợp được cả hai Đức Tin -*Đức Tin tôn giáo và Đức Tin do trí tuệ*- làm một, kết hợp '*Thượng Đế của trái tim*' (le Dieu du cœur) và '*Thượng Đế của trí tuệ*' (le Dieu de l'esprit) thành một thể thống nhất vì riêng Thượng Đế của trái tim hay của trí tuệ không thôi, không thể dựng xây được cảnh giới Thiên đàng nơi cõi thế. (11) .

Không thể Lý luận về Đức Tin, đúng vậy nhưng có thể lý luận về đối tượng của Đức Tin cùng những việc làm, những sự việc phát xuất từ Đức Tin. Đức Tin càng được soi sáng bởi trí tuệ thì Đức Tin càng vững, người viết nghĩ thế. Đức Tin thuộc phạm trù tín ngưỡng siêu hình nhưng không phải siêu hình mà không thể không được soi sáng bằng luận lý vì nếu Đức Tin là do một mặc khải, một 'ơn gọi' của Thượng Đế thì lý trí luận lý cũng là một 'phú bẩm' của Ngài cho con người (do con người đã hái ăn 'trái tri thức' nơi Cây Sự Sống). Do đó, Thần học Ki-Tô

giáo, theo người viết, phải nên là một *'Nền Thần Học Tri Thức luận'* (théologie épistémologique, nói theo cách 'rút gọn' là 'théo-épistémo'). Thần học Ki-Tô giáo cùng các tu sĩ và các nhà trí thức Ki-Tô giáo lâu nay chỉ để ý rao giảng Đức Tin với nền *Thần Học Đức Tin'* (théologie confessante, théo-confess) nên không nêu lên được luận cứ hợp lý nào để trả lời cho những phản bác của lớp người vô thần và của các nhà khoa học vì không nhận ra phần 'tri thức luận' nơi lời Chúa Jésus. Kết hợp cả Đức Tin và Tri thức luận, ta mới thấy được những huyền nhiệm thâm sâu nơi Kinh Thánh và đủ dữ kiện để giải thích diễn tiến nhân sinh, cũng như của vạn hữu nơi thế giới hiện tượng này. Từ sự kết hợp đó, chúng tôi phát hiện ra những *'ấn mật'* nơi Kinh Thánh (cũng như giáo lý Đức Thích Ca qua Kinh Điển Phật giáo) và nơi lời Chúa Jésus (cùng lời Đức Phật) để từ đó nói đến vấn đề Sáng Tạo và Tiến Hóa nơi giáo lý hai Ngài, điều trước nay chưa được nêu ra. Những diễn giảng của người viết trong tập này có một số điều ngược lại với mọi luận giảng về Kinh Điển lâu nay, dễ bị đánh giá là 'hoang tưởng', vu vơ và người viết sẽ bị xem là 'ngạo thái'. Dù biết thế, người viết vẫn xin mạnh dạn nêu ra với thành tâm là làm 'sáng tỏ' thêm phần nào lời hai Ngài, cần thiết cho việc kết hợp cả hai thuyết Sáng Tạo và Tiến Hóa mà mọi tranh cãi lâu nay vẫn còn dang dai khiến Tôn Giáo và Khoa Học hầu như là hai địa hạt hoàn toàn khác biệt và phủ nhận nhau.

Chú Thích :

1) Kinh Thánh được viết bởi nhiều người nhưng tất cả được quan niệm là do *'sự ám đọc'* của Thượng Đế (sous la dictée de Dieu) có nghĩa do linh ứng, cảm ứng lời Thượng Đế, vì thế mỗi tác giả được quan niệm là một 'biên tập viên' (rédacteur) thuật lại lời Thượng Đế qua ngôn ngữ

con người. Có thể do quan điểm này mà Thượng Đế trong Cựu Ước đã biến thành vị Thần vô cùng tàn bạo (xin xem thêm nơi Chương 'Ba Ngôi Thiên Chúa'). Kinh Thánh trước nay đã được ấn hành với số lượng vô cùng lớn, được dịch sang hầu hết mọi thứ tiếng. Để dễ tra cứu Kinh Thánh, một Giám mục người Anh, vào đầu thế kỷ 13, đề nghị chia mỗi sách ra từng Chương (chapitre). Năm 1551, một thợ in người Pháp lại chia mỗi chương trong mỗi sách của Tân Ước thành từng tiết (verset) và từng câu (phrase) . Sau đó, người ta cũng

chia mỗi sách trong Cựu Ước như thế. Tên mỗi sách hay mỗi tác giả được ghi tắt, mỗi chương được ghi bằng một con số lớn ở đầu mỗi đoạn và mỗi tiết được ghi bằng số nhỏ hơn nơi đầu mỗi câu. Thí dụ : 'Jn 20, 13' chỉ 'Phúc âm theo Jean, chương 20, tiết 13' – xem 'La Bible des Peuples', trang 11]

2) Trong quyển 'La Bible des Peuples', có những sách : Tobie (sách viết bởi Tobie, một người ở phía Bắc xứ Palestine, bị đày qua Assyrie), Judith (sách viết bởi Judith, một thế kỷ trước Jésus (Judith có nghĩa là người đàn bà Do Thái), sách Baruch, viết vào thế kỷ cuối trước Jésus, được viết bởi các Cộng đồng Do Thái sống ngoài xứ Palestine, sách 'La Sagesse de Salomon', được viết bởi một người Do Thái sống nơi đất Hy Lạp, viết tại Ai Cập trong những năm 80 và 50 trước Jésus, sách 'la Sagesse de Ben-Sirac' (Siracide), viết bởi người con của Sirac. Năm sách này được gọi là 'deutérocannonique', tức 'những sách thứ yếu', chỉ được công nhận qua các bản dịch của nhóm Septante và Nghi Hội Trente. Những sách này, các hệ phái Tin Lành giáo cho là 'ngụy thư' (apocryphe)]

3) Cũng như người Việt chúng ta gọi 'đất nước, Tổ quốc' là 'Mẹ Việt Nam', có thể ám chỉ mẹ Âu Cơ theo truyền thuyết hay là người 'Mẹ chung của dân tộc' từ khởi thủy lập quốc đến nay và mãi mãi về sau.

4) Ông Mạc Ngọc Pha, (tỵ nạn chính trị hiện ở Hoa Kỳ) người theo chủ trương 'Tương Lai học' (futurologie), gọi cuộc Cách Mạng Tính Thể này là 'Siêu Cách Mệnh' trong tác phẩm : '*Việt Nam và Siêu Cách Mệnh*' (Việt Nam & Metarevolution'), do Vietopia tàng thư, cơ sở Hoa Thế Nguyên xuất bản, Los-Angeles-, Mékong Printing, 1992.

5) Xin xem 'The Lost Years of Jésus' của Bà Elizabeth Clare Prophet, -Documentary evidence of Jésus'17-year journey to the East'- , do Summit University Press xuất bản. Theo thư cảm ơn (acknowledgment) các người cộng tác của Bà, ghi là 'The Western Schamballa, All Saints Day, 1984). - (xin xem thêm nơi phần 'Ba Ngôi Thiên Chúa' và 'Ngôi Sao phương Đông, Nữ hoàng phương Nam').

6) A. Jacquard : bác sĩ và là nhà Di truyền học Pháp, giáo sư Đại học Lugano tại Thụy Sĩ, đã viết nhiều sách về Khoa Học, Tôn giáo, vừa mới qua đời vào tháng 09/2013. Vốn là tín đồ Thiên Chúa giáo theo truyền thống gia đình ngay từ nhỏ, trong tác phẩm '*Thượng Đế ?*' (Dieu ?) ông đã đọc lại Kinh Thánh từng lời một và làm cuộc 'đối thoại' với chính mình về những tín lý, tín điều trước đây để xem những điều đó có giá trị như thế nào đối với cái nhìn theo ngôn ngữ ngày nay tức ngôn ngữ Khoa học ('Le scientifique que je suis va donc dialoguer avec l'enfant que j'ai été, je vais relire le *Credo* mot après mot et je vais essayer de voir quelle valeur peut lui attribuer le langage moderne, celui de la science' – Dieu ? – trang bìa sau.

7) Deepak Chopra : bác sĩ và giáo sư Y khoa Đại học Boston,; tác phẩm : "How to know God. The Soul's Journey into the Mystery of Mysteries" – bản dịch Pháp ngữ 'Comment connaître Dieu' của Nikou Tridon, nxb Rocher, Paris 2001 – Trong tác phẩm này, giáo sư Bác sĩ Deepak Chopra nói rõ đã chịu ba nguồn ảnh hưởng là Tôn giáo, Vật lý lượng tử {physique quantique} và các khoa Thần kinh học {neurosciences} (trang 317, bản dịch tiếng Pháp) ,

8) « Que le personnage nommé Moïse ait ou non existé, qu'il soit ou non monté en haut du mont Sinai, qu'il y ait ou non rencontré Dieu, ce qui importe est le contenu des 'Tables de la Loi'. *Tu ne tueras pas*' est ce qui doit être retenu ; les péripéties qui ont entouré l'adoption de cette règle de vie, tel l'épisode spectaculaire du buisson qui brûle sans se

consumer, ne sont que des détails de la mise en scène « – A. Jacquard : *'Dieu ?'*, sđd, trang 86.

9) Cuộc tàn sát giữa người Thiên Chúa giáo và Hồi giáo trong các cuộc Thập Tự chinh (8 lần cả thảy) ; cuộc chiến Israel-Palestine từ 1948 đến nay; cuộc chiến giữa tín đồ Tin Lành và Thiên Chúa giáo tại Pháp trước đây, tại Bắc Ái Nhĩ Lan mới được lắng dịu cách mười năm nay ; cuộc chiến tại Irak ; sự giết nhau giữa người Hồi giáo thuộc hệ phái Sunni và Shites, giữa người Hồi giáo Hamas và Fatah ở Palestine ; những khủng bố của các nhóm Hồi giáo quá khích ; không kể những cuộc tấn công của người

Hồi giáo tàn sát người Thiên Chúa giáo và Phật giáo tại đôi nơi ở Nam Dương, Thái Lan và Miến Điện gần đây.

10) Xin xem phần nào nơi chương : 'Ngôi Sao phương Đông, Nữ Hoàng phương Nam'.

11) Người Ki-Tô giáo thường bảo *'Đức Tin không cần lý luận. Lý luận sẽ làm mất Đức Tin. Cứ Tin vào Chúa, cầu nguyện Chúa là đủ. Chúa đã sinh ra ta thì Chúa luôn quan phòng ta,...'* Nếu chỉ giản dị như thế thì cần gì phải học, phải nghe giảng Giáo lý, cần gì các tu sĩ và trí thức nghiên cứu, viết bao sách về Thần học, về Triết lý. Chẳng lẽ có một *'Đạo Chúa dân gian'* và một *'Đạo Chúa trí thức'* sao ?.